

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm báo cáo : 2008

Tên công ty đại chúng : CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SÓC TRĂNG

I. Lịch sử hoạt động của Công ty

1. Những sự kiện quan trọng:

+ Việc thành lập : Công ty cổ phần thủy sản Sóc Trăng được chuyển đổi từ Công ty thủy sản xuất nhập khẩu tổng hợp Sóc Trăng và chính thức hoạt động theo hình thức cổ phần từ ngày 01/06/2006.

+ Các sự kiện khác : Đăng ký trở thành Công ty đại chúng từ ngày 30/06/2007. Cổ phiếu Công ty chưa niêm yết.

2. Quá trình phát triển

+ Ngành nghề kinh doanh :

- Sản xuất và kinh doanh các mặt hàng thủy sản đông lạnh xuất khẩu và tiêu thụ nội địa , kinh doanh một số mặt hàng nông sản ;

- Nhập khẩu nguyên nhiên vật liệu, vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất và một số mặt hàng tiêu dùng thiết yếu ;

- Nuôi trồng thủy sản, kinh doanh các mặt hàng phục vụ nuôi trồng thủy sản, vận tải hàng hóa đường bộ ; Dệt may công nghiệp;

- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, siêu thị ;

- Kinh doanh các mặt hàng, ngành nghề khác trong phạm vi đăng ký phù hợp với qui định của pháp luật và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

+ Tình hình hoạt động qua các năm :

	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008
- Sản lượng TP (tấn) :	5050	6.467	6.954
- Kim ngạch xuất (tr. USD) :	56	62	62,29
- Lợi nhuận (tỉ đồng) :	11	25,26	25,05
- Lao động (người) :	2.250	2.899	3.461
- Tiền lương bình quân (đồng/người/tháng)	1.500.000	1.600.000	2.150.000

3. Định hướng phát triển

+ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty :

Mục tiêu của Công ty là huy động và sử dụng đồng vốn có hiệu quả nhất, không ngừng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao tính cạnh tranh, đạt tỉ suất lợi nhuận tối ưu, nâng cao đời sống của người lao động trong Công ty, đảm bảo lợi ích hợp pháp của các cổ đông, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn :

- Nâng cao tỉ trọng các mặt hàng có giá trị gia tăng tại hai xí nghiệp chế biến tôm.
- Đầu tư xây dựng khu thương mại dịch vụ tại 61B Lê Lợi, phường 6, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
- Xây dựng nhà máy chế biến cá tại cụm công nghiệp Cái Côn, Huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.
- Niêm yết cổ phiếu Công ty tại Sở giao dịch chứng khoán TP HCM để huy động vốn đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh.

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị

Năm 2008 Công ty đã hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận, đạt **25,05** tỉ đồng, bằng **100%** so với năm **2007**. Các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu đều tăng trên **7%** so với năm **2007**. Đến cuối năm **2008**, tình hình tài chính của Công ty ổn định, nguồn vốn lưu động luôn đáp ứng đủ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh. Toàn bộ vốn cổ phần phát hành thêm trong năm 2007 và năm 2008 đã được đầu tư cho xây dựng Xí nghiệp An Phú, đúng theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thông qua. Năm 2008, Xí nghiệp đông lạnh An Phú đã phát huy hiệu quả và góp phần nâng cao lợi nhuận cho Công ty.

III. Báo cáo của Ban giám đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính

- Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán : Bảng chỉ tiêu tài chính 2008 (kèm theo).
- Tổng giá trị tài sản tại thời điểm 31/12 của năm báo cáo : **536,79** tỉ đồng
- Những thay đổi về vốn điều lệ: đầu năm : **62** tỉ đồng, cuối năm : **77,5** tỉ đồng
- Tổng số cổ phiếu : **7.750.000 CP**. Trong đó : cổ phiếu phổ thông : **7.480.500 CP**; cổ phiếu quỹ : **269.500 CP**
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : **7.480.500 CP**
- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ : **269.500 CP**
- Cổ tức chia cho các thành viên góp vốn : **2.000** đồng/CP

2. Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2008 :

2.1. Công tác thị trường :

Mặc dù bị tác động mạnh bởi suy thoái toàn cầu, song thị trường tiêu thụ được giữ vững và mở rộng. Tính đến cuối năm 2008, công ty có trên 30 khách hàng, trong đó có thêm 10 khách hàng mới. Sản phẩm có mặt trên hầu hết các châu lục. Giá trị các mặt hàng giá trị gia tăng tăng 30%, tôm luộc tăng 12%. Tuy nhiên, giá trị các mặt hàng truyền thống, chế biến thô giảm lại. Thị trường Mỹ và Úc sụt giảm do hàng rào phi thuế quan và suy thoái kinh tế. Mặt hàng tôm thẻ cũng được chú trọng nhưng sản lượng còn khiêm tốn do nguyên liệu tại chỗ chưa cao.

2.2. Về chất lượng sản phẩm :

Công tác quản lý chất lượng luôn được quan tâm đúng mức. Tính chuyên nghiệp của hệ thống, phương pháp quản lý được đổi mới cùng với sự đầu tư đúng mức của công ty về thiết bị, đào tạo, bồi dưỡng,... tạo tính ổn định của sản phẩm và bồi đắp thêm niềm tin của khách hàng vào đơn vị. Cụ thể trong năm không xảy ra sự cố nào lớn đối với sản phẩm công ty.

2.3. Về thu mua nguyên liệu :

Trong năm qua, công ty đã thu mua được 10.500 tấn nguyên liệu tăng 500 tấn so với năm 2007. Trong đó thu mua từ lĩnh vực công ty đầu tư trực tiếp cho nông dân trên 3.000 tấn, còn lại thu mua từ nông dân và đại lý. Đây là sự thành công ngoài mong đợi trong điều kiện sản lượng nguyên liệu trong năm tại địa phương sụt giảm đáng kể. Mặc dù vậy, trong thu hút nguyên liệu vẫn còn nhiều bất cập, chưa tạo được nền tảng bền vững trong lĩnh vực này, đặc biệt chưa tạo được nguồn cung, mối liên kết bền vững giữa người nuôi và công ty.

2.4 Về nhân sự – hành chính :

Việc cải tiến và sắp xếp lại bộ máy được quan tâm, công tác bồi dưỡng, huấn luyện đào tạo được tổ chức nghiêm túc, song kết quả mang lại còn hạn chế. Các chính sách, chế độ khen thưởng, tiền lương được cải tiến phù hợp hơn với yêu cầu nhiệm vụ mới và phù hợp với đặc điểm lao động từng lĩnh vực của đơn vị. Tổng số lao động đến cuối năm 2008 là 3.461 người với mức lương bình quân 2.150.000 đ/ tháng, tăng 34,38 % so với cùng kỳ năm 2007. Công tác bảo hộ lao động và các chế độ khác được đảm bảo đầy đủ. Nhìn chung, tình hình nhân sự trong năm qua tương đối ổn định, đời sống được đảm bảo, bộ máy hoạt động trôi chảy, mặc dù tình hình kinh tế xã hội khó khăn. Tuy nhiên, tinh thần làm việc sáng tạo, sự gắn kết của bộ máy chưa tương xứng với yêu cầu của tình hình mới.

Ngoài ra, công tác bảo vệ an ninh, phòng chống cháy nổ được đảm bảo, không xảy ra trường hợp nào đáng kể. Công tác chăm sóc sức khỏe, y tế, nhà ăn và các phong trào

vui chơi giải trí cũng được thực hiện tốt, góp phần đảm bảo đời sống tinh thần cho người lao động và hoạt động công ty ổn định hơn.

2.5. Về đầu tư xây dựng cơ bản.

Nhằm phát triển sản xuất và duy trì chất lượng sản phẩm, trong năm qua công ty đã đầu tư mới và cải tạo sửa chữa thiết bị nhà xưởng đưa vào hoạt động tốt, với kinh phí tổng cộng là 24,55 tỷ đồng.

Do tình hình suy thoái kinh tế, biến động giá và tình hình giải phóng mặt bằng chậm nên hai dự án Nhà máy chế biến cá và dự án 61B Lê Lợi chưa triển khai được.

2.6. Kết quả thực hiện chỉ tiêu năm 2008.

	Kế hoạch	Thực hiện	Thực hiện/Kế hoạch
- Sản lượng sản xuất	7.000 tấn	6.954	99,34%
- Kim ngạch xuất khẩu	70 triệu	62,29	89%
- Lợi nhuận	25 tỷ	25 tỷ	100%
- Cổ tức (dự kiến)	20%	20%	100%
- Đầu tư nuôi	550 ha	450 ha	82%
- Thu nhập bình quân	1.700.000đ	2.150.000đ	126,77%

Năm 2008, hầu hết các chỉ tiêu quan trọng đều đạt và vượt kế hoạch, riêng chỉ tiêu kim ngạch chỉ đạt 89% là do giá bán trên thị trường giảm và chỉ tiêu đầu tư đạt 82% là do tình hình nuôi bất ổn và lãi suất biến động mạnh.

IV. Báo cáo tài chính 2008 :

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo qui định của pháp luật về kế toán.

I.A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Nội dung	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ
I. TÀI SẢN NGẮN HẠN	332,697,751,769	367,229,559,229
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	1,236,726,392	19,432,291,486
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	4,169,663,506
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	115,622,054,794	58,392,909,068
4. Hàng tồn kho	206,638,089,766	282,309,462,521
5. Tài sản ngắn hạn khác	9,200,880,817	2,925,232,648

II. TÀI SẢN DÀI HẠN	115,829,796,706	169,565,264,500
1. Các khoản phải thu dài hạn	-	-
2. Tài sản cố định	109,212,276,483	161,790,554,537
- Tài sản cố định hữu hình	80,211,867,443	131,849,728,983
- Tài sản cố định vô hình	15,064,175,769	15,822,309,923
- Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13,936,233,271	14,118,515,631
3. Bất động sản đầu tư	-	-
4. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	5,005,000,000	5,000,000,000
5. Tài sản dài hạn khác	1,612,520,223	2,774,709,963
III. TỔNG CỘNG TÀI SẢN	448,527,548,475	536,794,823,729
IV. Nợ phải trả	361,647,949,899	317,283,409,155
1. Nợ ngắn hạn	291,062,053,269	271,596,298,755
2. Nợ dài hạn	70,585,896,630	45,687,110,400
V. Vốn chủ sở hữu	86,879,598,576	219,511,414,574
1. Vốn chủ sở hữu	86,789,171,569	219,230,040,018
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	62,000,000,000	77,500,000,000
- Thặng dư vốn cổ phần	-	107,650,000,000
- Vốn khác của chủ sở hữu	-	-
- Cổ phiếu quỹ	(2,695,000,000)	(2,695,000,000)
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
- Quỹ đầu tư phát triển	1,664,542,628	7,488,889,606
- Quỹ dự phòng tài chính	554,847,543	4,344,564,753
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	25,264,781,398	24,941,585,659
- Nguồn vốn đầu tư XDCB	-	-
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác	90,427,007	281,374,556
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	90,427,007	281,374,556
- Nguồn kinh phí	-	-
- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	-	-
VI. TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	448,527,548,475	536,794,823,729

II.A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,106,824,195,905	1,075,789,059,189
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,106,824,195,905	1,075,789,059,189
4. Giá vốn hàng bán	1,003,732,112,436	1,007,729,811,115
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	103,092,083,469	68,059,248,074
6. Doanh thu hoạt động tài chính	16,033,487,768	7,753,868,518
7. Chi phí tài chính	33,124,500,575	11,438,865,236
8. Chi phí bán hàng	39,971,237,164	31,346,847,324
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22,492,369,698	8,692,185,035
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	23,537,463,800	24,335,218,997
11. Thu nhập khác	1,579,173,304	988,062,401
12. Chi phí khác	66,755,146	58,500,000
13. Lợi nhuận khác	1,512,418,158	929,562,401
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	25,049,881,958	25,264,781,398
15. Thuế thu nhập doanh nghiệp	108,296,299	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	24,941,585,659	25,264,781,398
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3,649	4,421
18. Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		

V. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ trước	Kỳ báo cáo
1. Cơ cấu tài sản			
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	25.82	31.59
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	74.18	68.41

2. Cơ cấu nguồn vốn

- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	80.63	59.11
- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	19.37	40.89

3. Khả năng thanh toán

- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0.43	0.31
- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1.14	1.35

4. Tỷ suất lợi nhuận

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	5.63	4.65
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2.35	2.25
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	29.08	11.36

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập : Công ty kiểm toán và dịch vụ tin học (AISC)
- Ý kiến kiểm toán độc lập : đồng ý với báo cáo tài chính của Công ty lập.
- Các nhận xét đặc biệt (thư quản lý) : Không

2. Kiểm toán nội bộ

- Ý kiến kiểm toán nội bộ : /

VI. Các công ty có liên quan

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của STAPIMEX : không
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần do STAPIMEX nắm giữ : không

VII. Tổ chức và nhân sự

1- Cơ cấu tổ chức của công ty .

Bộ máy quản lý Công ty bao gồm :

- * Hội đồng quản trị , gồm 5 thành viên :
 - Hà Hữu Tri : Chủ tịch
 - Tạ Văn Vững : Phó chủ tịch
 - Trần Văn Phẩm : thành viên
 - Nguyễn Văn Mạng : thành viên
 - Phạm Thanh Phong : thành viên
- * Ban Tổng giám đốc, gồm 3 thành viên :
 - Trần Văn Phẩm : Tổng giám đốc
 - Hà Hữu Tri : Phó tổng giám đốc
 - Nguyễn Văn Mạng : Phó tổng giám đốc
- * Các phòng và Xí nghiệp , bao gồm :
 - Phòng Kinh doanh

- Phòng Kế toán tài vụ
- Phòng tổ chức hành chính
- Phòng Đầu tư nuôi trồng thủy sản
- Phòng Kỹ thuật
- 02 xí nghiệp chế biến tôm xuất khẩu .

2 Cơ cấu cổ đông công ty, bao gồm : (đến 31/12/2008)

* **Tổng số cổ đông công ty là :** 214 cổ đông, nắm giữ 7.480.500 CP

Trong đó : Tổ chức : 08 cổ đông, nắm giữ 5.851.000 cổ phần

Cá nhân : 206 cổ đông, nắm giữ 1.899.000 cổ phần

- Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong HĐQT, Ban điều hành

ST T	Họ Tên	Năm sinh	Trình độ	Kinh nghiệm công tác	Chức vụ HĐQT	Quản lý
1	Hà Hữu Tri	1959	Cử nhân QTKD	Làm việc tại Cty từ 1977	Chủ tịch HĐQT	Phó TGD
2	Trần Văn Phẩm	1967	Thạc sỹ quản trị KD	Làm việc tại Cty từ 1990	Thành viên HĐQT	Tổng giám đốc
3	Tạ Văn Vững	1971	Thạc sỹ quản trị KD	Làm việc tại Cty từ 1993	P.Chủ tịch HĐQT	Kế toán trưởng
4	Nguyễn Văn Mạng	1967	KS Hoá, cử nhân Luật	Làm việc tại Cty từ 1994	Thành viên HĐQT	Phó TGD
5	Phạm Thanh Phong	1961	TC Quản lý hành chính	Làm việc tại Cty từ 1984	Thành viên HĐQT	P. phòng TCHC

- Thay đổi Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong năm : *không*

- Số lượng cán bộ, nhân viên : 3.461 người, trong đó thời vụ : 1.743 người

- Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng : không

VIII. Thông tin cổ đông và Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát :

- Hoạt động của HĐQT: (Kèm báo cáo hoạt động của HĐQT)

- Hoạt động của Ban kiểm soát : (Kèm báo cáo hoạt động của BKS)

- Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty : thường xuyên cải tiến công tác quản lý, không ngừng đào tạo và nâng cao trình độ cho cán bộ quản lý Công ty, bên cạnh đó luôn chú trọng công tác tuyển dụng lực lượng lao động có trình độ cao. Công ty không ngừng cải tiến và hoàn thiện các qui trình quản lý, phân công phân nhiệm rõ ràng kết hợp với việc nâng cấp hệ thống cung cấp thông tin, kiểm soát chặt chẽ quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua hệ thống quản lý tài chính.

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông :

2.1. Cổ đông góp vốn trong nước

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông góp vốn trong nước :

Tổng số cổ đông công ty là : 214 cổ đông, nắm giữ 7.480.500 CP

Trong đó : Tổ chức : 08 cổ đông, nắm giữ 5.851.000 cổ phần

Cá nhân : 206 cổ đông, nắm giữ 1.899.000 cổ phần

- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn, ngành nghề hoạt động, số lượng và tỷ lệ cổ phần sở hữu trong công ty:

* Tổng công ty đầu tư và KD vốn nhà nước (SCIC) nắm giữ :

2.695.000 CP , chiếm 34,77% vốn điều lệ .

* Quỹ ĐT CK Sài Gòn A2 :1.017.979 CP, chiếm 13,14% vốn điều lệ.

* Ngân hàng Sacombank : nắm giữ 660.000 CP, chiếm 8.52% vốn điều lệ

* Quỹ đầu tư VFM : nắm giữ 660.000 CP, chiếm 8,52% vốn điều lệ

* Tổng Công ty tài chính CP dầu khí Việt Nam – CN Thành Phố HCM :

531.021 CP , chiếm 6.85% vốn điều lệ .

2.2. Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài : Không có

Công ty cổ phần thủy sản Sóc Trăng xin công bố kết quả hoạt động kinh doanh năm 2008 và định hướng kinh doanh trong thời gian tới đến toàn bộ quý cổ đông và khách hàng, Công ty rất mong được sự góp ý của tất cả cổ đông để giúp Hội đồng quản trị, Ban điều hành triển khai thực hiện sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

(đã ký)

Hà Hữu Tri

